

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 178/2020/HS-ST

Ngày 18 tháng 12 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với những người tiến hành tố tụng gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Mậu Văn Mùi
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Vân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố V
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:** Ông Đào Quang Soạn - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 184/2020/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử (theo thủ tục rút gọn) số: 176/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 19/6/1989; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố H, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; Đảng, đoàn thể: Không; quá trình hoạt động bản thân: Không; con ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị T1; có chồng là Nguyễn Văn và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/11/2020 đến ngày 13/11/2020; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Hoàng Minh T2, sinh năm 1997; nơi cư trú: Khu hành chính 1, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).
- Anh Nguyễn Trung H2, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 10/11/2020, Nguyễn Thị Thu T là đại lý bán vé xổ số của công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Vĩnh Phúc đang ngồi bán vé xổ số ở khu vực vỉa hè đường, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc thì có Nguyễn Trung H2 và Hoàng Minh T2, đến đặt vấn đề đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức ghi số lô, số đề với T, T đồng ý. Trước khi ghi số lô, số đề, T thỏa thuận với H2 và T2 giá 01 điểm lô là 22.500đ, nếu H2 và T2 trúng, T phải trả 01 điểm lô tương ứng với 80.000đ và 1.000đ tiền đề nếu trúng thì sẽ được hưởng 70.000đ.

Căn cứ để xác định trúng thưởng là đối ch2 với hai số cuối của các giải từ giải đặc biệt đến giải bảy của Kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng trong ngày vào lúc 18 giờ 15 phút, người trúng thưởng là người có số lô trùng với hai số cuối mỗi giải và số đề trùng với hai số cuối của giải đặc biệt của Xổ số kiến thiết Miền Bắc quay thưởng trong ngày. Nếu không ai trúng số lô, số đề thì T được hưởng số tiền T2 và H2 đã trả cho T. Tại đây, T2 đưa cho T, một mảnh giấy trắng, kích thước 5 x 15cm, có ghi số lô, số đề mình muốn mua như sau: Các số lô 20, 28 mỗi số là 40 điểm, số lô 82 là 45 điểm (tổng là 125 điểm lô, tương ứng với 125 điểm x 22.500đ = 2.812.500đ) và các số đề 28, 82 mỗi số 50.000đ (tổng là 2 số, tương ứng với 2 x 50.000đ = 100.000đ). Như vậy, tổng số tiền T2 phải trả cho T là 2.812.500đ + 100.000đ = 2.912.500đ, T ghi các số lô, số đề trên vào một tờ giấy A4 để theo dõi, làm căn cứ xác định thắng thua rồi nhận tiền T2 đưa. Sau đó, H2 cũng đưa cho T mảnh giấy có các số lô 22, 70 mỗi số là 40 điểm, số lô 07 là 30 điểm (tổng là 110 điểm x 22.500đ = 2.475.000đ). Như vậy, số tiền H2 phải trả cho T là 2.475.000đ. T lại chép các số lô, số đề H2 đưa như trên vào tờ giấy A4 để theo dõi. T vừa nhận tiền từ H2 xong thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V phát hiện bắt quả tang, thu giữ các vật chứng gồm: Thu giữ tại bàn số tiền 5.387.500đ (tiền T vừa bán số lô, số đề trái phép cho T2 và H2 mà có); 02 tờ giấy nhỏ và 01 tờ giấy A4 có ghi các số lô, số đề mà T vừa ghi cho T2 và H2; 01 bàn nhựa và 02 ghế nhựa.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 184/QĐ-VKSTP.VY ngày 30/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Nguyễn Thị Thu T về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Thu T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Quyết định truy tố đã nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ là anh Hoàng Minh T2 và anh Nguyễn Trung H2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Cơ quan điều tra đã khai nhận như nội dung Quyết định truy tố đã nêu trên.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã phân tích đánh giá tính chất, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội “*Đánh bạc*”. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T số tiền từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ sung quỹ Nhà nước. Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.387.500đ của bị cáo là tiền đánh bạc mà có; tịch thu, tiêu huỷ 01 bàn nhựa và 02 ghế nhựa.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thừa nhận Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đối với bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội. Lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan, phù hợp lời khai của người liên quan tại Cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập trong quá trình điều tra. Như vậy, có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 17 giờ ngày 10/11/2020, tại khu vực vỉa hè đường, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Bị cáo Nguyễn Thị Thu T có hành vi đánh bạc bằng hình thức số lô, số đề với Nguyễn Trung H2 số tiền 2.475.000đ và Hoàng Minh T2 số tiền 2.912.500đ (tổng số H2, T2 đánh bạc với T là 5.387.500đ) thì Công an thành phố V phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[2] Xét tính chất của vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra, phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Do đó, việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là chưa cần thiết, cần cho bị cáo được cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách cũng đủ giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đây là cơ hội để bị cáo sửa chữa lỗi lầm và phấn đấu trở thành công dân tốt. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa được chấp nhận.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với người liên quan đến vụ án: Nguyễn Trung H2 đánh bạc với bị cáo số tiền 2.475.000đ và Hoàng Minh T2 đánh bạc với bị cáo số tiền 2.912.500đ. Tuy nhiên, số tiền H2, T2 sử dụng vào việc đánh bạc có giá trị dưới

5.000.000đ, bản thân H2, T2 chưa bị kết án về hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc, gá bạc, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc, gá bạc nên hành vi của H2 và T2 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 22/11/2020, Công an thành phố V ra quyết định xử phạt hành chính đối với H2 và T2 là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với số tiền 5.387.500đ thu giữ của bị cáo là tiền bị cáo đánh bạc với H2, T2 mà có nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước; đối với 02 tờ mảnh giấy và 01 tờ giấy A4 có ghi các số lô, số đề mà T ghi cho T2 và H2 là vật chứng vụ án Cơ quan điều tra kèm theo hồ sơ vụ án nên không đề cập xử lý; đối với 01 bàn nhựa và 02 ghế nhựa là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần phạt bị cáo một khoản tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/12/2020). Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu T cho Ủy ban nhân dân phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước.

2. Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.387.500đ (*năm triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

- Tịch thu, tiêu hủy 01 bàn nhựa và 02 ghế nhựa.

(*Có đặc điểm như biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 12 năm 2020*).

3. Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND TP V;
- Công an TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND phường K;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Mầu Văn Mùi